



## QUY ĐỊNH

Về việc đào tạo Tiếng Anh cho sinh viên trình độ đại học,  
Chuyên sâu đặc thù chương trình chất lượng cao

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3011 /QĐ-TĐT ngày 21 tháng 10 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng)

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về chương trình học Tiếng Anh, kỳ thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào, quy định xét miễn môn khi nộp chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế, quy định về hình thức đánh giá, quy định học vụ Tiếng Anh cho sinh viên chương trình chất lượng cao.

2. Đối tượng áp dụng: sinh viên chương trình chất lượng cao tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng (trừ ngành Ngôn ngữ Anh)

### Điều 2. Chương trình Tiếng Anh chất lượng cao

#### 1. Chương trình học Tiếng Anh (Inspire English):

a. *Chương trình khối ngành Cử nhân*: gồm 05 học phần tiếng Anh dự bị ngoài chương trình và 04 học phần tiếng Anh chính thức trong chương trình đào tạo theo Bảng 1.

b. *Chương trình khối ngành Kỹ sư, Kiến trúc sư*: gồm 05 học phần tiếng Anh dự bị ngoài chương trình và 05 học phần tiếng Anh chính thức trong chương trình đào tạo theo Bảng 1.

2. Sinh viên phải hoàn thành các học phần Tiếng Anh chính thức theo lộ trình học Tiếng Anh (Bảng 1) và phải đạt chứng chỉ IELTS quốc tế  $\geq 5.5$  hoặc các chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn theo Bảng 2.

#### 3. Kỳ thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào

a. Sinh viên năm nhất khi nhập học chương trình chất lượng cao nếu không nộp các Chứng chỉ/bảng điểm tiếng Anh quốc tế như IELTS, TOEIC (4 kỹ năng), TOEFL iBT, Cambridge A2 Key/B1 Preliminary/B2 First/C1 Advanced/C2 Proficiency/ BEC Pre/BEC Van, Cambridge Linguaskill, PTE, ... còn thời hạn (với mức điểm quy định tại Bảng 2) phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào theo hình thức thi trực tiếp hoặc thi trực tuyến.

- **Thi trực tiếp tại trường**: Bài thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào gồm 3 bài thi đánh giá 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết:

- Bài thi 1: Đánh giá khả năng sử dụng Tiếng Anh, Đọc và Nghe: theo cấu trúc bài thi Cambridge English Placement Test (CEPT).
- Bài thi 2: Kỹ năng Viết, thời gian 45 phút.

- Bài thi 3: Kỹ năng Nói, thời gian 10 – 12 phút.

- **Thi trực tuyến:** Bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào gồm 4 bài thi đánh giá 4 kỹ năng Nghe, Đọc Viết và Nói được tổ chức qua phần mềm hỗ trợ thi trực tuyến.

- Bài thi 1: Kỹ năng Nghe; Bài thi gồm 4 phần, thời gian 30 phút.
- Bài thi 2: Kỹ năng Nói; Bài thi gồm 3 phần, thời gian 10 - 12 phút, 01 giám khảo và 01 thí sinh.
- Bài thi 3: Kỹ năng Đọc; Bài thi gồm 4 phần, thời gian 30 phút.
- Bài thi 4: Kỹ năng Viết; Thí sinh viết bài luận về một chủ đề xã hội từ 250-300 chữ, thời gian 45 phút.

**Bảng 1 - Các học phần Tiếng Anh Inspire English chương trình chất lượng cao**

Chương trình chất lượng cao	Mã môn	Tên học phần	Điểm thi xếp lớp		Số tín chỉ	Số tiết học trên lớp	Lộ trình Tiếng Anh chuẩn
			Bài thi trực tiếp	Bài thi trực tuyến			
Khối ngành cử nhân, kỹ sư, Kiến trúc sư	P15HB1	Tiếng Anh dự bị 1	< 15	< 21	-	75	
	P15HB2	Tiếng Anh dự bị 2	15 đến 19	21 đến 29	-	75	
	P15HB3	Tiếng Anh dự bị 3	20 đến 29	30 đến 35	-	75	
	P15HB4	Tiếng Anh dự bị 4	30 đến 34	36 đến 45	-	75	
	P15HB5	Tiếng Anh dự bị 5	35 đến 39	46 đến 55	-	75	
	P15H01	Tiếng Anh 1	40 đến 49	56 đến 60	5	75	HK1, HK2
	P15H02	Tiếng Anh 2	50 đến 62	61 đến 65	5	75	HK2
	P15H03	Tiếng Anh 3	63 đến 65	66 đến 75	5	75	HK3
	P15H04	Tiếng Anh 4	66 đến 70	76 đến 80	5	75	HK4
Khối ngành kỹ sư, Kiến trúc sư	P15H05	Tiếng Anh 5	≥ 71	≥ 81	2	30	HK4
Khối ngành cử nhân, kỹ sư, Kiến trúc sư	P15C55	Chứng chỉ IELTS quốc tế ≥ 5.5 hoặc các chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn có giá trị tương đương theo Bảng 2					HK5

**Bảng 2 – Bảng xét miễn học phần tiếng Anh theo các loại chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế  
(miễn theo lộ trình trong chương trình đào tạo)**

STT	Học phần được xét miễn theo chương trình Inspire English	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm Cambridge Exams	Điểm Cambridge Linguaskill	PTE	TOEIC (4 kỹ năng)		
							Nghe & Đọc	Viết	Nói
1	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4	4.0	≥ 50	A2 Key/B1 Pre/ BEC Pre ≥ 120	≥ 120	≥ 22	≥ 450	≥ 30	≥ 50
2	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5	4.5	≥ 55	B1 Pre/B2 First/ BEC Pre ≥ 130	≥ 130	≥ 30	≥ 500	≥ 70	≥ 90
3	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5, Tiếng Anh 1	5.0	≥ 60	B1 Pre/B2 First/ BEC Van ≥ 140	≥ 140	≥ 36	≥ 550	≥ 120	≥ 120
4	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5, Tiếng Anh 1,2	≥ 5.5	≥ 65	B1 Pre/B2 First/ BEC Van ≥ 155	≥ 155	≥ 42	≥ 580	≥ 140	≥ 150
5	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5, Tiếng Anh 1,2,3		≥ 70	B1 Pre/ B2 First/ C1 Adv/ C2 Pro/ BEC Van ≥ 160	≥ 160		≥ 600	≥ 150	≥ 160
6	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5, Tiếng Anh 1,2,3,4								
7	Tiếng Anh dự bị 1,2,3,4,5, Tiếng Anh 1,2,3,4,5								

**Lưu ý:** Áp dụng xét miễn Tiếng Anh đối với các chứng chỉ được tổ chức thi trực tiếp tại các Trung tâm khảo thí được IIG VN hoặc Hội đồng Anh, IDP, Cambridge ủy quyền tổ chức).

b. Căn cứ vào kết quả thi đánh giá trình độ Tiếng Anh đầu vào (theo quy định Bảng 1) hoặc căn cứ vào chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế do sinh viên nộp (theo quy định Bảng 2) còn thời hạn giá trị đến thời điểm bắt đầu học Tiếng Anh, sinh viên được xếp vào cấp độ lớp Tiếng Anh theo lộ trình đào tạo tương ứng.

c. Sinh viên không tham dự kỳ thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào và không nộp chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế theo thời gian Trường thông báo hoặc sinh viên có điểm thi đầu vào thấp hơn mức điểm học chương trình chính thức (Bảng 1), phải học bổ sung thêm các học phần Tiếng Anh dự bị tập trung trước khi vào học Chương trình Tiếng Anh chính thức.

### Điều 3. Quy định đánh giá

1. Các học phần Tiếng Anh được đánh giá qua 02 thành phần điểm:

- Điểm đánh giá quá trình (ĐQT): tỷ trọng 60% (theo thang điểm 100).
- Điểm đánh giá cuối kỳ (ĐCK): tỷ trọng 40% (theo thang điểm 100).

**Điểm tổng kết (ĐTK) = ĐQT + ĐCK** (điểm đánh giá theo thang điểm 100)

2. Khung kiểm tra đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ được quy định tại Bảng 3 và 4.

Sinh viên phải hoàn thành ít nhất 80% khối lượng bài tập được giao và đảm bảo chuyên cần theo đúng yêu cầu của học phần mới đủ điều kiện tham gia bài thi đánh giá cuối kỳ.

3. Điều kiện xét đạt học phần Tiếng Anh được quy định tại Bảng 3.

**Bảng 3- Điều kiện xét đạt học phần Tiếng Anh - Chương trình Inspire English**

Yêu cầu	Tiếng Anh dự bị 1	Tiếng Anh dự bị 2	Tiếng Anh dự bị 3	Tiếng Anh dự bị 4	Tiếng Anh dự bị 5	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 5
Điểm bài thi cuối kỳ	tối đa 40 Điểm (≥38% = đúng 30/80 câu)	tối đa 40 Điểm (≥50% = đúng 40/80 câu)	tối đa 40 Điểm (≥33% = đúng 20/60 câu)	tối đa 40 Điểm (≥50% = đúng 30/60 câu)	tối đa 40 Điểm (≥50% = đúng 20/40 câu)	tối đa 40 Điểm (≥43.75% = đúng 35/80 câu)	tối đa 40 Điểm (≥43.75% = đúng 35/80 câu)	tối đa 40 Điểm (≥50% = đúng 40/80 câu)	tối đa 40 Điểm (≥50% = đúng 40/80 câu)	Tối đa 40 điểm (≥50% = đúng 20/40 câu)
Chuyên cần	tối thiểu 80%									
Bài tập/Online Learning	tối thiểu 50% câu đúng									
Điểm tổng kết Đạt	≥60 Điểm	≥70 Điểm	≥60 Điểm	≥70 Điểm	≥60 Điểm	≥65 Điểm	≥65 Điểm	≥70 Điểm	≥70 Điểm	≥70 Điểm

Sinh viên đạt học phần Tiếng Anh được ghi nhận điểm “M”. Kết thúc học phần Tiếng Anh cuối, sinh viên phải tham gia dự thi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế và đạt điểm IELTS ≥ 5.5 hoặc các chứng chỉ/bảng điểm quốc tế khác tương đương (theo Bảng 2) để được ghi nhận đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh. Chi phí thi các kỳ thi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế sẽ do sinh viên thanh toán.

**Bảng 4- Hình thức đánh giá học phần Tiếng Anh chương trình chất lượng cao**

Phương thức (Test Type)	Mục tiêu (Objective)	Nội dung (Part)	Tiêu chí đánh giá (Criteria)	Số lần yêu cầu (Number of requests)	Điểm thành phần (Points)
Đánh giá Quá trình (60%) Tại lớp	Theo dõi lộ trình phát triển, phản hồi kịp thời về những kỹ năng sinh viên cần cải thiện	1. Tham gia lớp học (Classroom Activities)	- Participation - Online activities	1	20
			Writing Portfolio	5	10
		2. Kiểm tra mức độ tiến bộ (Progress tests)	Kỹ năng Viết	1	10
			Kỹ năng Nói	1	20
Kiểm tra cuối kỳ (40%) Tập trung	Đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên	3. Kỹ năng Đọc, Kiến thức về ngôn ngữ và Nghe (Final tests)	- Kiến thức ngôn ngữ - Đọc và ngữ pháp - Nghe hiểu và nghe viết ghi chú	1	40

4. Sinh viên chưa đạt các học phần Tiếng Anh (điểm học phần chưa được ghi nhận điểm M) phải học lại các học phần Tiếng Anh này được quy định tại Điều 5.

5. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi học phần Tiếng Anh sẽ bị ghi nhận điểm F, sinh viên vắng thi sẽ bị ghi nhận điểm V. Điểm F và điểm V được tính như điểm 0 (không) và tính vào điểm trung bình học kỳ, trung bình tích lũy.

#### **Điều 4. Quy định xét miễn các học phần Tiếng Anh**

Trong quá trình đào tạo, nếu sinh viên có các chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế theo Bảng 2 còn thời hạn (riêng đối với các chứng chỉ không quy định thời hạn, chỉ được xét công nhận miễn trong vòng 02 năm kể từ ngày chứng chỉ được cấp) được xem xét miễn các học phần tiếng Anh tương ứng theo quy định như sau:

*Trường hợp 1:* Sinh viên đang học đúng hoặc sớm lộ trình đào tạo Tiếng Anh trong chương trình đào tạo, sinh viên nộp chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế trước khi bắt đầu học kỳ hoặc trước khi bắt đầu môn học (đối với các học phần tiếng Anh ở giai đoạn 2 của học kỳ) ít nhất 02 tuần sẽ được xét miễn (học, thi và học phí) các học phần Tiếng Anh tương ứng theo lộ trình đào tạo và thời hạn còn giá trị của chứng chỉ; sinh viên phải đồng thời làm đơn đề nghị **hủy kết quả** đăng ký môn học (nếu có) để được miễn học và không đóng học phí học phần này.

*Trường hợp 2:* Sinh viên học đúng lộ trình đào tạo Tiếng Anh trong chương trình đào tạo nhưng nộp chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế sau thời hạn quy định ở trường hợp 1 sẽ được miễn học phần Tiếng Anh đang học. Sinh viên phải đồng thời đề nghị rút môn học (không hoàn học phí), điểm R được ghi nhận cho môn học trong học kỳ hiện tại; trường hợp sinh viên không làm đơn đề nghị rút môn học sinh viên vẫn phải thực hiện nghĩa vụ học và thi theo quy định.

*Trường hợp 3:* Sinh viên trễ lộ trình đào tạo Tiếng Anh trong chương trình đào tạo nhưng có kết quả tham gia học Tiếng Anh liên tục trong tất cả các học kỳ và đủ điều kiện dự thi cuối khóa, được xem xét miễn các học phần Tiếng Anh trễ lộ trình khi sinh viên có chứng chỉ/bảng điểm tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS  $\geq 5.5$  còn thời hạn theo Bảng 2 (việc xét **rút môn học** hoặc **hủy kết quả đăng ký môn học** sẽ căn cứ vào thời điểm sinh viên nộp chứng chỉ/bảng điểm theo trường hợp 1 và 2).

*Trường hợp 4:* Sinh viên tốt nghiệp ngành thứ nhất Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Tôn Đức Thắng được xét miễn học các học phần Tiếng Anh trong chương trình đào tạo của ngành thứ hai. Sinh viên phải nộp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đầu ra theo quy định.

Điểm Miễn "M" của các học phần Tiếng Anh được xét miễn theo các trường hợp 1, 2 và 3 sẽ được ghi nhận trong phần điểm bảo lưu (nằm ngoài bảng điểm các học kỳ sinh viên học tại trường).

#### **Điều 5. Quy định học vụ đối với việc hoàn tất các học phần tiếng Anh**

Sau khi được Nhà trường xếp lớp, sinh viên phải học và thi theo lộ trình đào tạo (học liên tục trong các học kỳ) cho đến khi hoàn tất các học phần Tiếng Anh theo quy định. Sinh

viên sẽ bị giới hạn số tín chỉ đăng ký các môn học khác cho học kỳ tiếp theo để tập trung cho việc học Tiếng Anh như sau:

- Kết thúc học kỳ 4 (theo sơ đồ đào tạo), sinh viên chưa hoàn thành cấp độ Tiếng Anh 1 sẽ không được đăng ký các môn học khác để tập trung học Tiếng Anh. Sinh viên được xem xét đăng ký học một số môn chung như Giáo dục thể chất tự chọn 1, 2, Bơi lội, các học phần Giáo dục quốc phòng, các môn học trong nhóm môn Kỹ năng phát triển bền vững, các môn học chính trị Mác Lênin, Cơ sở tin học.

- Sinh viên hoàn tất các học phần Tiếng Anh, chuẩn đầu ra theo đúng sơ đồ đào tạo để đủ điều kiện tiên quyết cho các môn học trong chương trình đào tạo và đủ điều kiện xét học bổng.

- Các trường hợp đặc biệt khác, tùy theo tiến độ học tập, Nhà trường sẽ xem xét cho sinh viên đăng ký môn học phù hợp với trình độ tiếng Anh tại thời điểm hiện tại của sinh viên.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quy định này áp dụng cho sinh viên trình độ đại học chương trình chất lượng cao từ khóa tuyển sinh 2022 trở về sau.

2. Trung tâm Ngôn ngữ Sáng tạo, Phòng Đại học, Phòng Khảo thí và Kiểm định Chất lượng, Phòng Thanh tra - Pháp chế và An ninh, và các Khoa có trách nhiệm phối hợp tổ chức quản lý sinh viên, giám sát và đảm bảo chương trình Tiếng Anh chất lượng cao được triển khai theo đúng quy định. /.

